

Số: 07 /GPMT-UBND

Châu Thành, ngày 19 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 02/CTY.SM ngày 06/10/2023 của Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường của “Xưởng may thuộc Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 341/TTr-TNMT ngày 10 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam, địa chỉ tại ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Xưởng may thuộc Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam” có địa chỉ tại ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Xưởng may thuộc Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 1113, 1114, 1115, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dệt may.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích là 2.330,5 m².

- Quy mô/ Công suất: 25.000 sản phẩm/tháng.

- Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và dự án có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm III theo cột số 1 theo Phụ lục V theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.... tháng..... năm 2023 đến ngày..... tháng.....năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã An Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./*Thg*

Nơi nhận: *Thg*

- Công ty TNHH Dệt may
- Sắc màu Việt Nam;
- Sở TN&MT tỉnh;
- UBND xã An Ninh;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Thg.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Thg CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Hào

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07/GPMT-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân huyện Châu Thành

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, người lao động tại Công ty với lưu lượng khoảng 8 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Thủy lợi - ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại Kênh Thủy lợi - ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Tọa độ vị trí xả thải (VN:2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 6⁰):
X = 10620211 ; Y = 546469.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý thoát vào kênh Thủy lợi theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, (cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
10	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích là 16,8 m³. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại hầm tự hoại sẽ thu gom vào bể lắng lọc và khử trùng dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của Dự án sau đó thoát vào Kênh Thủy lợi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh (hố tiêu, hố tiêu) → Xử lý qua Bể tự hoại, bể lắng lọc, khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của Dự án → Thoát vào Kênh Thủy lợi.

- Công suất thiết kế:

+ Bể tự hoại có thể tích là 16,8 m³.

+ Hệ thống thu gom: Cống tròn nhựa loại đường kính 300mm chịu lực.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ

lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.2. Thực hiện kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận thông qua việc thực hiện quan trắc nước thải định kỳ 6 tháng/lần.

3.3. Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố cháy nổ, tai nạn lao động.

3.4. Công ty TNHH Dệt may Sắc Màu Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *07* /GPMT-UBND ngày *19* tháng *10* năm
2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn: khu vực phía trước xưởng sản xuất. Tọa độ: X (m) = 1061946; Y (m) = 546471

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nhà máy thường xuyên bảo trì máy để máy móc, thiết bị luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

- Lắp đặt các bộ đỡ giảm ồn, giảm rung cho máy móc có công suất lớn. Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra định kỳ thiết bị về độ mòn chi tiết, chế độ hoạt động bảo trì, bôi trơn,...

- Sử dụng miếng đỡ khuôn bằng cao su, lò xo giảm sóc làm giảm tiếng ồn tại các công đoạn ép, dập, máy nén khí.

- Bố trí dây chuyền máy móc thiết bị hợp lý nhằm tránh gây sự cộng hưởng tiếng ồn, cụ thể là bố trí các loại máy móc phát sinh tiếng ồn lớn như máy phát điện tại các khu vực riêng biệt, xa khu vực tập trung nhiều công nhân. Máy phát điện được sử dụng là loại máy hiện đại, được bọc vỏ cách âm chống ồn đồng bộ gắn liền và bao quanh máy.

- Trồng cây xanh xung quanh tường rào nhà máy nhằm hạn chế các tác động từ hoạt động sản xuất đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Nguồn phát sinh
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	5	Quá trình chiếu sáng
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10	Bảo trì máy móc thiết bị...
3	Dầu thủy lực thải	Lỏng	17 01 06	30	Bảo trì máy móc thiết bị
4	Pin, ac quy chì thải	Rắn	19 06 01	10	Bảo trì xe nâng, xe tải
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2	Văn phòng
Tổng cộng				57	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (Rìu vải không dệt thải, sản phẩm lỗi; Bao bì đóng gói thành phẩm hỏng;...)	0,027 tấn/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	200

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng chứa 60-90 lít, có nắp đậy.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền tráng xi măng, tường xây gạch, mái lợp tole và có dán nhãn cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chủ dự án sẽ thu gom và bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường. Diện tích khu vực lưu chứa tập trung: 20 m²

- Chủ dự án cam kết sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển hằng ngày theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 10 lít/thùng và 03 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích 120 lít/thùng

- Bố trí công nhân đi thu gom và tập kết chất thải rắn sinh hoạt về khu chứa rác thải sinh hoạt. Diện tích khu vực lưu chứa tập trung: 10 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

4. Trường hợp xảy ra sự cố, chủ Dự án báo cáo kịp thời với cơ quan có chức năng tại địa phương để phối hợp xử lý theo quy định nhằm hạn chế phát tán ra môi trường xung quanh, gây ô nhiễm môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 07 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện các biện pháp hạn chế, giảm thiểu mùi hôi phát sinh trong quá trình hoạt động, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.